| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 46/2022/HC-PT.
Ngày: 04/3/2022.
V/v khởi kiện hành vi hành chính.

# NHÂN DANH

## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

### TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

***Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Hồ Sỹ Hưng;

*Các Thẩm phán*: Ông Nguyễn Văn Cường;

Bà Phan Thị Vân Hương.

***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Nguyệt, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Thu Hà, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 04 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hành chính thụ lý số 458/2021/TLPT-HC ngày 28 tháng 10 năm 2021 về việc "Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực đất đai", do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2021/HC-ST ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1381/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 2 năm 2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

***1. Người khởi kiện:*** Ông Phạm Văn C, sinh năm 1946; địa chỉ: Xóm L, xã H, huyện T, tỉnh Nam Định; có mặt.

***2. Người bị kiện:*** UBND huyện T, tỉnh Nam Định

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Quang T – Chủ tịch UBND huyện T; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Tiến D – Phó Chủ tịch UBND huyện T; có đơn xin xét xử vắng mặt.

***3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** UBND xã H, huyện T, tỉnh Nam Định; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, người khởi kiện là ông Phạm Văn C trình bày:*

Năm 1994, sau khi Hợp tác xã H không còn hoạt động, Ủy ban nhân dân huyện T đã chia đất cho dân theo bình quân là 01 sào 04 miếng 3 đất nông nghiệp/01 khẩu. Gia đình ông có 06 khẩu, nên số đất được giao theo quy định là 3.088,8m$^2$ đất nông nghiệp (khi giao đất không có biên bản bàn giao). Thực tế năm 1994, chính quyền địa phương chỉ giao cho gia đình ông 1.227m$^2$ và 87m$^2$ đất góp của gia đình ông, tổng cộng là 1.314m$^2$. Như vậy, Ủy ban nhân dân huyện T đã giao thiếu cho gia đình ông 1.774,8 m$^2$ đất theo tiêu chuẩn được giao (3.088,8m$^2$ - 1.314m$^2$). Ông đã nhiều lần đề nghị giao cho ông diện tích đất thuộc cánh đồng phía bắc Đường V là khu vực thuộc phạm vi đất công để giải quyết phát sinh theo Quyết định số 115/QĐ-UBND (viết tắt là Quyết định 115) năm 1995 và trong khu vực này có số ruộng của gia đình ông bị giữ lại, nhưng ông không được Ủy ban nhân dân huyện T giải quyết.

Trong nhiều năm ông khiếu nại, các cơ quan nhận được đơn của ông đều chuyển về Ủy ban nhân dân huyện T để giải quyết. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân huyện T lại thông báo giao phần đất còn thiếu cho ông tại vùng đất ruộng thùng Sông Lấp, không phải vị trí ruộng đất giao cấy mà gia đình ông đã đóng góp vào Hợp tác xã giai đoạn trước đây nên ông không đồng ý. Vì vậy, ông khởi kiện UBND huyện T về hành vi không giao đất cho ông, đề nghị Tòa án tuyên bố hành vi hành chính đó của Ủy ban nhân dân huyện T là trái pháp luật và buộc Ủy ban nhân dân huyện T giao cho ông 1.774,8m$^2$ đất tại khu vực phía bắc Đường V thuộc xã H, huyện T, tỉnh Nam Định.

*Tại bản tự khai và các văn bản trả lời, người bị kiện là UBND huyện T trình bày:*

Năm 1993, do ông Phạm Văn C còn nợ đọng sản phẩm HTX nông nghiệp 14.500kg thóc, nên khi thực hiện Quyết định 115 của UBND tỉnh về việc giao đất ổn định cho các hộ xã viên canh tác, chính quyền địa phương cấp cơ sở lúc đó đã căn cứ nghị quyết của đại hội xã viên HTX nông nghiệp, giữ lại của ông C 2,88 sào trong tổng số 8,28 sào tiêu chuẩn mà ông được giao. Số diện tích đất đã giao, ông C sử dụng ổn định từ đó đến nay, không có ý kiến thắc mắc gì.

Trên cơ sở đề nghị của ông C, UBND huyện T đã chỉ đạo UBND xã H thực hiện các thủ tục để giao cho ông C số diện tích đất bị giữ lại trước đây theo đúng quy định. Trong các ngày 13/01/2017, 06/5/2018, 11/5/2018 và 15/5/2018 UBND xã H đã tổ chức giao 1080 m$^2$ đất nông nghiệp cho ông C tại 2 thửa đất gồm: Thửa số 375, tờ bản đồ số 5, diện tích 660 m$^2$ thuộc xứ đồng Ngái Nam; thửa số 277, tờ bản đồ số 5, diện tích 420 m$^2$ thuộc xứ đồng Cửa Phủ, nhưng ông C không đến nhận và cho rằng diện tích đất trên không đủ điều kiện để canh tác và yêu cầu được giao đất tại vị trí Đường V.

Diện tích đất ruộng giao cho ông C như nêu trên là đủ tiêu chuẩn để canh tác, các thửa ruộng xung quanh các hộ dân vẫn canh tác bình thường. Đồng thời, diện tích đất tại khu vực Đường V mà ông C đề nghị giao cho ông là của 38 hộ dân xóm L tự góp đất của mình vào để đề nghị cấp có thẩm quyền quy hoạch làm đất giãn cư với tổng diện tích 3.428 $m^2$ thuộc thửa 15, tờ bản đồ số 13 và các hộ dân này vẫn canh tác ổn định từ năm 1993 đến nay; hộ ông C không có đất góp vào vị trí này. UBND xã H và Phòng Tài nguyên Môi trường huyện T đã chỉ dẫn toàn bộ các vị trí đất công (đất nông nghiệp) hiện có tại xóm L và vị trí của xóm đội khác trên địa bàn xã, nhưng ông C không nhất trí mà chỉ đề nghị nhận tại vị trí giáp Đường V nên không thể giải quyết theo đúng yêu cầu của ông.

Ông C khởi kiện hành vi hành chính của UBND huyện T không giao đất sản xuất nông nghiệp cho ông là không có căn cứ, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Phạm Văn C.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã H, huyện T trình bày*:

Căn cứ văn bản chỉ đạo của UBND huyện T, UBND xã H cùng với cơ sở xóm L tiến hành kiểm tra rà soát toàn bộ quỹ đất tại xóm L để giao đất cho ông C. Ngày 19/6/2016 và nhiều lần khác UBND xã đã tổ chức giao ruộng cho ông C tại thửa số 375, tờ bản đồ số 05, diện tích 660 $m^2$, loại đất 2 lúa thuộc xứ đồng Ngái Nam và thửa số 277, tờ bản đồ số 05, diện tích 420 $m^2$, loại đất 2 lúa thuộc xứ đồng Cửa Phủ, tổng cộng 1.080 $m^2$, nhưng ông C không đồng ý nhận mà yêu cầu giao cho ông đất tại khu vực giáp Đường V. Tuy nhiên, ngoài 2 vị trí đất trên, xóm L không còn thửa đất công nào khác để giao cho ông C và vị trí đất canh tác này đảm bảo đủ các điều kiện để canh tác nông nghiệp. Đối với diện tích đất tại khu vực Đường V đã có 38 hộ dân canh tác ổn định từ năm 1993 đến nay. Vì vậy, UBND xã H đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn C.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2021/HC-ST ngày 08/9/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Điều 19, Điều 24 Luật đất đai năm 1993; Điều 7, Điều 12 Nghị định 64-CP ngày 27/9/1993; Mục 6 Nghị định 85/1999/NĐ-CP ngày 28/8/1999; Điều 156 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn C, về việc yêu cầu Tòa án buộc Ủy ban nhân dân huyện T giao cho ông 1.774,8$m^2$ đất tại khu vực phía bắc đường V thuộc xã H, huyện T, tỉnh Nam Định.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/9/2021, người khởi kiện là ông Phạm Văn C có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét giải quyết lại toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phạm Văn C không thay đổi, bổ sung nội dung kháng cáo và giữ nguyên nội dung khởi kiện; không cung cấp thêm được các chứng cứ, tài liệu mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn C, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án;

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của các bên đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 21/9/2021, ông Phạm Văn C có đơn kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2021/HC-ST ngày 08/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định là trong thời hạn, nên được xem xét theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về đối tượng và thời hiệu khởi kiện: Ngày 24/02/2021, ông Phạm Văn C có đơn khởi kiện đối với hành vi không giao đất theo đúng yêu cầu cho ông của UBND huyện T, tỉnh Nam Định. Đây là hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai là đối tượng khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 30 Luật tố tụng hành chính.

Ngày 30/01/2018, UBND huyện T ban hành Văn bản số 60/UBND-BTCD trả lời đơn có nội dung liên quan đến khiếu nại của ông Phạm Văn C về yêu cầu giao đất; Ngày 19/6/2018, UBND huyện T ban hành Văn bản số 347/UBND-BTCD có nội dung báo cáo kết quả việc giải quyết đơn của ông Phạm Văn C và đề nghị không xem xét đơn của ông C; Ngày 18/11/2019, Chủ tịch HĐND tỉnh Nam Định ra Thông báo số 21/TB-HĐND kết luận phiên tiếp công dân có nội nội dung chuyển đơn của ông C cho UBND huyện T chỉ đạo giải quyết dứt điểm. Các văn bản này đều ghi nơi nhận có tên ông C.

Ngày 03/11/2020, ông Phạm Văn C gửi đơn khởi kiện và được Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định tiếp nhận, hướng dẫn sửa đổi, bổ sung; ngày 24/02/2021, ông C chính thức có đơn khởi kiện theo đúng yêu cầu của Tòa án, nên đơn của ông được

xác định là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Xét kháng cáo của ông Phạm Văn C thấy:

[3.1] Quá trình xem xét khiếu nại của ông Phạm Văn C, UBND các cấp của tỉnh Nam Định đã nhiều lần có văn bản giải quyết về nội dung yêu cầu giao đất đối với ông C và đã nhiều lần tổ chức giao đất cho ông nhưng ông không đến nhận. Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, ông C đều thừa nhận việc UBND H, huyện T đã có tiến hành giao ruộng cho ông. Đồng thời, tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện từ ngày 09/5/2018 đến ngày 17/5/2018, UBND xã H, huyện T đã nhiều lần thông báo và tổ chức giao đất cho ông Phạm Văn C tại thửa số 375, bản đồ số 5, diện tích 660 $m^2$ đất 2 lúa thuộc xứ đồng Ngái Nam; thửa số 277, tờ bản đồ số 5, diện tích 420 $m^2$ đất lúa thuộc xứ đồng Cửa Phủ, nhưng ông không đến nhận (BL 44 – 49).

Như vậy, không có cơ sở để cho rằng UBND huyện T, tỉnh Nam Định không tiến hành giao đất cho ông Phạm Văn C. Việc tổ chức thực hiện giao đất cho ông C như nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 131 Luật đất đai năm 2013. Do đó, ông C cho rằng UBND huyện không tiến hành giao đất cho ông là không đúng. Việc ông C không đến nhận là không thuộc trách nhiệm của UBND huyện T.

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phạm Văn C không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc vào năm 1993 khi giao đất theo Quyết định 115 thì ông thuộc diện được giao 1.774,8$m^2$ đất nông nghiệp tại khu vực phía bắc Đường V thuộc xã H, huyện T, tỉnh Nam Định như yêu cầu của ông. "Bảng tổng hợp diện tích của gia đình ông C sau dồn điền đổi thửa" do ông C cung cấp là bản sao viết tay có chữ ký Phạm Văn U, xóm trưởng; không có chứng thực của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tại Công văn số 492/UBND-TNMT ngày 25/11/2014 của UBND huyện T đã xác định: Tại cơ sở xóm L, xã H, năm 1993 khi tổ chức thực hiện theo Quyết định 115 và sau khi cân đối bình quân diện tích trên khẩu là thấp hơn nhiều so với bình quân chung của toàn xã (bình quân chung của toàn xã là 1,43 sào/khẩu). Do đó, xóm L đã đưa toàn bộ diện tích của các hộ nợ đọng sản phẩm vào để cân đối chia cho các hộ xã viên (bình quân 1,38 sào/khẩu). Tại thời điểm chia ruộng năm 1993, do ông C còn nợ đọng sản phẩm HTX Nông nghiệp là 14.500kg thóc, nên căn cứ Nghị quyết của đại hội xã viên HTX Nông nghiệp, cơ sở đã giữ lại 2,88 sào trong tổng số 8,28 sào tiêu chuẩn ông C được giao là phù hợp với quy định tại Quyết định số 115/QĐ-UB ngày 15/02/1992 của UBND tỉnh Hà Nam Ninh và Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 về đối tượng, cách giao đất.

Đối với diện tích đất Đường V mà ông C yêu cầu giao cho ông đang do 38 hộ dân xóm L canh tác ổn định từ năm 1993 đến nay; ông C không chứng minh được việc gia đình ông có đất tại khu vực này và đã từng góp phần đất này vào để đề nghị cấp có thẩm quyền quy hoạch làm đất giãn cư như thực tế hiện nay, nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của ông.

[4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận nội dung khởi kiện của ông Phạm Văn C về việc đề nghị Tòa án tuyên bố hành vi hành chính của UBND huyện T là trái pháp luật và buộc UBND huyện T phải giao cho ông 1.774,8m$^2$ đất tại khu vực phía bắc Đường V thuộc xã H, huyện T, tỉnh Nam Định.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Phạm Văn C là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên*.

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn C, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2021/HC-ST ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành tỉnh Nam Định.

[2] Về án phí: Ông Phạm Văn C được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

[3] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**CÁC THẨM PHÁN** **CHỦ TỌA**

**Nguyễn Văn Cường** **Phan Thị Vân Hương** **Hồ Sỹ Hưng**

***Nơi nhận:***
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Hồ Sỹ Hưng**